

**Phụ lục II**  
**DANH MỤC KỸ THUẬT CỦA TUYẾN TRÊN**  
**ÁP DỤNG TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC NGỌC HỒI**  
*(Kèm theo Quyết định số 242/QĐ-SYT ngày 04/8/2014 của Sở Y tế)*

TT	TÊN KỸ THUẬT	STT kỹ thuật theo thông tư số 43/2013/TT-BYT
1	2	3
<b>I</b>	<b>HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC</b>	
1	Đặt ống nội khí quản có cửa hút trên bóng chèn (Hi-low EVAC)	I-70
2	Siêu âm màng phổi cấp cứu	I-92
3	Mở thông dạ dày bằng nội soi	I-217
<b>II</b>	<b>NHI KHOA</b>	
4	Chăm sóc catheter động mạch	III-50
5	Thở máy bằng xâm nhập	III-58
6	Chọc dò tuỷ sống trẻ sơ sinh	III-146
7	Rửa màng bụng cấp cứu	III-166
8	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường tĩnh mạch trung tâm	III-174
9	Chiếu đèn điều trị vàng da sơ sinh	III-186
<b>III</b>	<b>DA LIỄU</b>	
10	Chăm sóc bệnh nhân dị ứng thuốc nặng	V-2
<b>IV</b>	<b>TÂM THẦN</b>	
11	Xử trí trạng thái động kinh	VI-63
12	Xử trí trạng thái sảng rượu	VI-72
<b>V</b>	<b>GÂY MÊ HỒI SỨC</b>	
13	Cài máy thở bằng chế độ thông minh	IX-5
14	Chăm sóc và theo dõi áp lực nội sọ	IX-14
15	Kỹ thuật gây mê có hạ huyết áp chỉ huy	IX-61
16	Kỹ thuật gây mê tĩnh mạch trong nạo hút thai	IX-66
17	Kỹ thuật gây tê đám rối thắt lưng	IX-81
18	Kỹ thuật giảm đau bằng truyền liên tục thuốc tê vào đám rối qua catheter	IX-106
19	Xử trí dò đường tiêu hóa (nuôi dưỡng và hút liên tục đường dò)	IX-125
20	Thở máy xâm nhập ở người bệnh ARDS	IX-181
	<b>B. GÂY MÊ</b>	
21	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân có bệnh tim	IX-211
22	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân đa chấn thương	IX-213
23	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân đái tháo đường	IX-214
24	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân rau bong non	IX-222

TT	TÊN KỸ THUẬT	STT kỹ thuật theo thông tư số 43/2013/TT-BYT
25	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân rau tiền đạo ra máu	IX-224
26	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân thai chết lưu	IX-225
27	Gây mê nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân tiền sản giật nặng	IX-226
28	Gây mê nội soi ổ bụng chẩn đoán	IX-239
29	Gây mê phẫu thuật bóc nhân xơ tử cung	IX-277
30	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ dạ dày	IX-472
31	Gây mê phẫu thuật có sóc	IX-667
32	Gây mê phẫu thuật đục chồi xương	IX-835
33	Gây mê phẫu thuật lấy dị vật thực quản đường cổ	IX-1053
34	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt nang mạc treo ruột	IX-1286
	<b>C. HỒI SỨC</b>	
35	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân rau bong non	IX-1640
36	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân rau cài răng lược	IX-1641
37	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân rau tiền đạo ra máu	IX-1642
38	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân thai chết lưu	IX-1643
39	Hồi sức nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân tiền sản giật nặng	IX-1644
40	Hồi sức phẫu thuật bóc nhân xơ tử cung	IX-1695
41	Hồi sức phẫu thuật cắt lõi xương	IX-1802
42	Hồi sức phẫu thuật cắt ruột thừa viêm cấp ở trẻ dưới 6 tuổi	IX-1849
43	Hồi sức phẫu thuật đóng đinh nội tủy kín có chốt xương chày dưới màng hình tăng sang	IX-2234
44	Hồi sức phẫu thuật đục chồi xương	IX-2253
45	Hồi sức phẫu thuật đứt gân cơ nhị đầu	IX-2258
46	Gây tê phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính trên 10 cm	IX-3149
47	Gây tê phẫu thuật cắt các loại u vùng mặt có đường kính 5 đến 10 cm	IX-3152
48	Gây tê phẫu thuật cắt đường rò môi dưới	IX-3177
49	Gây tê phẫu thuật cắt u biểu bì	IX-3343
50	Gây tê phẫu thuật cắt u buồng trứng hoặc bó buồng trứng	IX-3344
51	Gây tê phẫu thuật cắt u buồng trứng, gỡ dính	IX-3345
52	Gây tê phẫu thuật cắt u da lạnh tính vành tai	IX-3347
53	Gây tê phẫu thuật đục chồi xương	IX-3655

<b>TT</b>	<b>TÊN KỸ THUẬT</b>	<b>STT kỹ thuật theo thông tư số 43/2013/TT-BYT</b>
54	Gây tê phẫu thuật đứt gân cơ nhị đầu	IX-3660
55	Gây tê phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân rau bong non	IX-3874
56	Gây tê phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân thai chết lưu	IX-3876
57	Gây tê phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân rau tiền đạo ra máu	IX-3878
58	Gây tê phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân tiền sản giật nặng	IX-3879
<b>X</b>	<b>NGOẠI KHOA</b>	
	<b>A. THẦN KINH - SỌ NÃO</b>	
59	Phẫu thuật xử lý vết thương da đầu phức tạp	X-1
60	Chọc dịch não tủy thắt lưng (thủ thuật)	X-57
	<b>C. TIẾT NIỆU-SINH DỤC</b>	
61	Dẫn lưu bàng quang bằng chọc trocar	X-344
62	Hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ	X-394
	<b>D. TIÊU HÓA</b>	
63	Các phẫu thuật ruột thừa khác	X-510
64	Khâu lỗ thủng đại tràng	X-512
	<b>D. GAN - MẬT - TỤY</b>	
65	Dẫn lưu áp xe gan	X-616
	<b>E. THÀNH BỤNG - CƠ HOÀNH - PHỨC MẠC</b>	
66	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát	X-683
67	Phẫu thuật điều trị thoát vị vết mổ thành bụng	X-686
68	Các phẫu thuật thành bụng khác	X-697
69	Mở bụng thăm dò, lau rửa ổ bụng, đặt dẫn lưu	X-698
	<b>G. CHẤN THƯƠNG – CHỈNH HÌNH</b>	
70	Phẫu thuật KHX trật khớp cùng đòn	X-720
71	Phẫu thuật KHX khớp giả xương đòn	X-721
72	Phẫu thuật KHX trật khớp ức đòn	X-722
73	Phẫu thuật KHX gãy thân xương cánh tay	X-725
74	Phẫu thuật KHX khớp giả xương cánh tay	X-727
75	Phẫu thuật KHX gãy trên lồi cầu xương cánh tay	X-730
76	Phẫu thuật KHX gãy liên lồi cầu xương cánh tay	X-731
77	Phẫu thuật KHX gãy rỗng rọc xương cánh tay	X-732
78	Phẫu thuật KHX gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay	X-733
79	Phẫu thuật KHX gãy Monteggia	X-736
80	Phẫu thuật KHX gãy thân 2 xương cẳng tay	X-739
81	Phẫu thuật KHX gãy xương quay kèm trật khớp quay trụ dưới	X-740
82	Phẫu thuật KHX gãy đầu dưới quơng quay	X-743
83	Phẫu thuật KHX gãy thân đốt bàn và ngón tay	X-746
84	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi cẳng và bàn ngón tay	X-749
85	Phẫu thuật tổn thương gân gấp của cổ tay và cẳng tay	X-750
86	Phẫu thuật tổn thương gân gấp bàn – cổ tay	X-751
87	Phẫu thuật KHX gãy thân xương đùi	X-765

TT	TÊN KỸ THUẬT	STT kỹ thuật theo thông tư số 43/2013/TT-BYT
88	Phẫu thuật KHX gãy lồi cầu ngoài xương đùi	X-767
89	Phẫu thuật KHX gãy lồi cầu trong xương đùi	X-768
90	Phẫu thuật KHX gãy bánh chè	X-772
91	Phẫu thuật KHX gãy xương bánh chè phức tạp	X-773
92	Phẫu thuật lấy toàn bộ xương bánh chè	X-774
93	Phẫu thuật KHX gãy mâm chày trong	X-775
94	Phẫu thuật KHX gãy mâm chày ngoài	X-776
95	Phẫu thuật KHX gãy mâm chày + thân xương chày	X-778
96	Phẫu thuật KHX gãy thân xương chày	X-779
97	Phẫu thuật KHX gãy thân 2 xương cẳng chân	X-780
98	Phẫu thuật KHX gãy xương mác đơn thuần	X-781
99	Phẫu thuật KHX gãy 2 mắt cá cổ chân	X-783
100	Phẫu thuật KHX gãy mắt cá trong	X-784
101	Phẫu thuật KHX gãy mắt cá ngoài	X-785
102	Phẫu thuật KHX gãy mắt cá kèm trật khớp cổ chân	X-786
103	Phẫu thuật dập nát phần mềm các cơ quan vận động	X-808
104	Phẫu thuật vết thương bàn tay	X-809
105	Phẫu thuật vết thương bàn tay tổn thương gân duỗi	X-810
106	Phẫu thuật vết thương phần mềm tổn thương gân gấp	X-811
	<b>1. Vùng cổ tay-bàn tay</b>	
107	Phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương quay	X-820
108	Phẫu thuật KHX gãy nội khớp đầu dưới xương quay	X-821
109	Phẫu thuật chuyển gân điều trị liệt thần kinh giữa	X-835
110	Khâu tổn thương gân gấp vùng I, III, IV, V	X-839
111	Khâu phục hồi tổn thương gân duỗi	X-842
112	Phẫu thuật tạo hình điều trị tật thừa ngón tay	X-851
113	Thương tích bàn tay phức tạp	X-861
114	Phẫu thuật tháo khớp cổ tay	X-864
115	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đốt bàn và đốt ngón chân	X-870
116	Phẫu thuật tổn thương gân chày trước	X-875
117	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi dài ngón I	X-876
118	Phẫu thuật tổn thương gân Achille	X-877
119	Phẫu thuật tổn thương gân cơ mác bên	X-878
120	Phẫu thuật tổn thương gân gấp dài ngón I	X-879
121	Phẫu thuật tổn thương gân cơ chày sau	X-880
122	Phẫu thuật điều trị gân bánh chè	X-883
123	Phẫu thuật điều trị đứt gân cơ nhị đầu đùi	X-884
124	Phẫu thuật điều trị đứt gân Achille	X-885
125	Phẫu thuật kết hợp gãy thân xương đùi	X-917
126	Phẫu thuật kết hợp gãy thân xương cẳng chân	X-920
127	Phẫu thuật kết hợp xương trên màng hình tăng sáng	X-932

TT	TÊN KỸ THUẬT	STT kỹ thuật theo thông tư số 43/2013/TT-BYT
128	Phẫu thuật cắt cụt chi	X-942
129	Phẫu thuật tháo khớp chi	X-943
130	Phẫu thuật lấy xương chết, nạo viêm	X-947
131	Phẫu thuật sửa mỏm cụt chi	X-952
132	Phẫu thuật sửa mỏm cụt ngón tay/ngón chân (1 ngón)	X-953
133	Phẫu thuật vết thương phần mềm phức tạp	X-955
134	Phẫu thuật vá da diện tích < 5cm <sup>2</sup>	X-960
135	Phẫu thuật giải ép thần kinh ( ống cổ tay, Khuỷu...)	X-965
136	Phẫu thuật vá da dày > 1cm <sup>2</sup>	X-977
137	Phẫu thuật vá da mỏng	X-978
138	Phẫu thuật viêm xương	X-979
139	Phẫu thuật nạo viêm + lấy xương chết	X-980
140	Phẫu thuật vết thương khớp	X-983
	<b>2. Nắn- Bó bột</b>	
141	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi, vỡ ổ cối và trật khớp háng	X-986
142	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên xương đùi	X-989
143	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới xương đùi	X-990
144	Nắn, bó bột trật khớp vai	X-995
145	Nắn, bó bột gãy xương đòn	X-996
146	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay	X-997
147	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay	X-998
148	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay	X-999
149	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu	X-1000
150	Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp cổ tay	X-1001
151	Nắn, bó bột gãy cổ xương cánh tay	X-1002
152	Nắn, bó bột gãy trên lồi cầu xương cánh tay trẻ em độ III và độ IV	X-1003
153	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cánh tay	X-1004
154	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cánh tay	X-1005
155	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cánh tay	X-1006
156	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay	X-1007
157	Nắn, bó bột gãy Pouteau - Colles	X-1008
158	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay	X-1009
159	Nắn, bó bột trật khớp háng	X-1010
160	Nắn, bó bột trong bong sụn tiếp khớp gối, khớp háng	X-1011
161	Nắn, bó bột gãy mâm chày	X-1012
162	Nắn, bó bột gãy xương chậu	X-1013
163	Nắn, bó bột gãy Cổ xương đùi	X-1014
164	Nắn, cố định trật khớp háng không chỉ định phẫu thuật	X-1015
165	Nắn, bó bột gãy lồi cầu xương đùi	X-1016
166	Bó bột ống trong gãy xương bánh chè	X-1017
167	Nắn, bó bột trật khớp gối	X-1018

TT	TÊN KỸ THUẬT	STT kỹ thuật theo thông tư số 43/2013/TT-BYT
168	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân	X-1019
169	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân	X-1020
170	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân	X-1021
171	Nắn, bó bột gãy xương chày	X-1022
172	Nắn, bó bột gãy xương gót	X-1023
173	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân	X-1024
174	Nắn, bó bột trật khớp cùng đòn	X-1025
175	Nắn, bó bột gãy Dupuytren	X-1026
176	Nắn, bó bột gãy Monteggia	X-1027
177	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân	X-1028
178	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn	X-1029
179	Nắn, cố định trật khớp hàm	X-1030
180	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân	X-1031
181	Nẹp bột các loại, không nắn	X-1032
	<b>H. CỘT SỐNG</b>	
182	Đặt nẹp cố định cột sống phía trước và ghép xương ( nẹp Kaneda, chữ Z)	X-1065
<b>VII</b>	<b>BÔNG</b>	
	<b>A. ĐIỀU TRỊ BÔNG</b>	
	<b>1. Thay băng bông</b>	
183	Thay băng điều trị vết bông từ 20% - 39% diện tích cơ thể ở trẻ em	XI-3
	<b>2. Phẫu thuật, thủ thuật điều trị bông</b>	
184	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bông sâu trên 10% diện tích cơ thể ở người lớn	XI-17
185	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bông sâu từ 5% - 10% diện tích cơ thể ở người lớn	XI-18
186	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bông sâu trên 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	XI-20
187	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bông sâu từ 3% - 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	XI-21
188	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bông sâu trên 5% diện tích cơ thể ở người lớn	XI-23
189	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bông sâu từ 3% - 5% diện tích cơ thể ở người lớn	XI-24
190	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bông sâu trên 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	XI-26
191	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bông sâu từ 1% - 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	XI-27
192	Ghép da tự thân mảnh lớn trên 10% diện tích cơ thể ở người lớn	XI-29
193	Ghép da tự thân mảnh lớn từ 5% - 10% diện tích cơ thể ở người lớn	XI-30

TT	TÊN KỸ THUẬT	STT kỹ thuật theo thông tư số 43/2013/TT-BYT
194	Ghép da tự thân mảnh lớn trên 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	XI-32
195	Ghép da tự thân mảnh lớn từ 3% - 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	XI-33
196	Ghép da tự thân xen kẽ (molem-jackson) tích cơ thể ở người lớn $\geq 10\%$ diện	XI-51
197	Ghép da tự thân xen kẽ (molem-jackson) dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn	XI-52
198	Ghép da tự thân xen kẽ (molem-jackson) dưới 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	XI-54
199	Cắt cụt cấp cứu chi thể bồng không còn khả năng bảo tồn điều trị bồng sâu	XI-72
200	Cắt cụt chi thể bồng không còn khả năng bảo tồn điều trị bồng sâu	XI-73
201	Tháo khớp chi thể bồng không còn khả năng bảo tồn điều trị bồng sâu	XI-74
202	Phẫu thuật khoan đục xương, lấy bỏ xương chết trong điều trị bồng sâu	XI-75
	<b>3. Các kỹ thuật khác</b>	
203	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm bù dịch điều trị sốc bồng	XI-88
204	Theo dõi chăm sóc người bệnh bồng nặng	XI-91
	<b>B. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH, THẨM MỸ TRONG BỒNG VÀ SAU BỒNG</b>	
205	Cắt sẹo ghép da mảnh trung bình	XI-104
206	Kỹ thuật tạo vạt da V-Y điều trị sẹo bồng	XI-112
	<b>D. VẬT LÝ TRỊ LIỆU, PHỤC HỒI CHỨC NĂNG TRONG BỒNG</b>	
207	Điều trị sẹo bồng bằng day sẹo - massage sẹo với các thuốc làm mềm sẹo	XI-127
<b>VIII</b>	<b>UNG BƯỚU</b>	
	<b>ĐẦU-CỔ</b>	
208	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính 5 đến 10 cm	XII-3
209	Cắt các loại u vùng mặt có đường kính dưới 5 cm	XII-6
	<b>HÀM - MẶT</b>	
210	Cắt u môi lành tính có tạo hình	XII-77
211	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm	XII-91
	<b>PHẦN MỀM-XƯƠNG-KHỚP</b>	
212	Cắt u xơ cơ xâm lấn	XII-311
213	Cắt u lành phần mềm đường kính trên 10cm	XII-319
214	Cắt u bao gân	XII-321
<b>IX</b>	<b>PHỤ SẢN</b>	
	<b>A. SẢN KHOA</b>	
215	Phẫu thuật lấy thai lần hai trở lên	XIII-2
216	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có sẹo mổ bụng cũ phức tạp	XIII-3

TT	TÊN KỸ THUẬT	STT kỹ thuật theo thông tư số 43/2013/TT-BYT
217	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh mắc bệnh toàn thân (tim, thận, gan, huyết học, nội tiết...)	XIII-4
218	Phẫu thuật lấy thai do bệnh lý sản khoa (rau tiền đạo, rau bong non, tiền sản giật, sản giật...)	XIII-5
219	Phẫu thuật cắt tử cung tình trạng người bệnh nặng,	XIII-9
220	viêm phúc mạc nặng, kèm vỡ tạng trong tiểu khung, vỡ tử cung phức tạp	
221	Gây chuyển dạ bằng thuốc	XIII-20
	<b>B. PHỤ KHOA</b>	
222	Cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cắm sâu trong tiểu khung	XIII-61
223	Phẫu thuật mở bụng xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng	XIII-74
224	Phẫu thuật chấn thương tầng sinh môn	XIII-116
225	Phẫu thuật mở bụng thăm dò, xử trí bệnh lý phụ khoa	XIII-132
	<b>E. PHÁ THAI</b>	
226	Phá thai người bệnh có sẹo mổ lấy thai cũ	XIII-235
227	Hút thai dưới siêu âm	XIII-237
<b>X</b>	<b>RĂNG - HÀM - MẶT</b>	
228	Điều trị áp xe quanh răng cấp	XVI-39
229	Điều trị áp xe quanh răng mạn	XVI-40
<b>XI</b>	<b>ĐIỆN QUANG</b>	
	<b>A. SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN</b>	
230	Siêu âm cơ phần mềm vùng cổ mặt	XVIII-3
231	Siêu âm màng phổi	XVIII-11
232	Siêu âm thành ngực (cơ, phần mềm thành ngực)	XVIII-12
233	Siêu âm Doppler thai nhi (thai, nhau thai, dây rốn, động mạch tử cung)	XVIII-26
234	Siêu âm 3D/4D khối u	XVIII-27
235	Siêu âm 3D/4D thai nhi	XVIII-28
236	Siêu âm Doppler tử cung, buồng trứng qua đường bụng	XVIII-32
237	Siêu âm Doppler thai nhi 3 tháng đầu	XVIII-38
238	Siêu âm Doppler thai nhi 3 tháng giữa	XVIII-39
239	Siêu âm Doppler thai nhi 3 tháng cuối	XVIII-40
240	Siêu âm 3D/4D thai nhi	XVIII-41
241	Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ...)	XVIII-44
242	Siêu âm tuyến vú hai bên	XVIII-54
243	Siêu âm Doppler tuyến vú	XVIII-55
244	Siêu tinh hoàn hai bên	XVIII-57
245	Siêu âm Doppler tinh hoàn, mào tinh hoàn hai bên	XVIII-58
246	Siêu âm dương vật	XVIII-59



TT	TÊN KỸ THUẬT	STT kỹ thuật theo thông tư số 43/2013/TT-BYT
	<b>HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU</b>	
247	Xét nghi ệm nhanh HBsAg trước hiến máu đối với người hiến máu	XXII-456
	<b>HÓA SINH</b>	
248	Đo hoạt độ CK (Creatine kinase)	XXIII-42
249	Đo hoạt độ CKMB (Isozym MB of Creatine kinase)	XXIII-43
250	Định lượng CK-MB mass	XXIII-44
251	Định lượng Estradiol	XXIII-61
252	Định lượng E3 không liên hợp (Unconjugated Estriol)	XXIII-62
253	Định lượng RF (Reumatoid Factor)	XXIII-142
254	Định lượng T <sub>3</sub> (Tri iodothyronine)	XXIII-147
255	Định lượng T <sub>4</sub> (Thyroxine)	XXIII-148
256	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone)	XXIII-162
257	Đo hoạt độ Amylase	XXIII-175
<b>XXVIII</b>	<b>TẠO HÌNH - THẨM MỸ</b>	
	<b>A. ĐẦU-CỔ</b>	
258	Khâu phục hồi bờ mi	XXVIII-35
	<b>B. TẠO HÌNH VÙNG THÂN MÌNH</b>	
259	Cắt bỏ khối u da lành tính dưới 5cm	XXVIII-275
260	Cắt bỏ khối u da lành tính trên 5cm	XXVIII-276
	<b>C. TẠO HÌNH VÙNG CƠ QUAN SINH DỤC NGOÀI</b>	
261	Phẫu thuật điều trị vết thương dương vật	XXVIII-288
262	Phẫu thuật cắt bỏ vách ngăn âm đạo	XXVIII-299
	<b>D. TẠO HÌNH VÙNG CHI TRÊN VÀ BÀN TAY</b>	
263	Phẫu thuật ghép da tự thân các khuyết phần mềm cánh tay	XXVIII-315
264	Phẫu thuật ghép da tự thân các khuyết phần mềm cẳng tay	XXVIII-316
265	Phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng ghép da tự thân	XXVIII-323
266	Phẫu thuật gãy đốt bàn ngón tay kết hợp xương với Kirschner hoặc nẹp vít	XXVIII-335
267	Phẫu thuật cắt ngón tay thừa	XXVIII-358
268	Phẫu thuật cắt bỏ ngón tay cái thừa	XXVIII-359
	<b>Đ. TẠO HÌNH CHO VÙNG CHI DƯỚI</b>	
269	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng đùi bằng ghép da tự thân	XXVIII-385
270	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng khoeo bằng ghép da tự thân	XXVIII-386
271	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng cẳng bằng ghép da tự thân	XXVIII-387
272	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng cổ chân bằng ghép da tự thân	XXVIII-388
273	Cắt các khối u da lành tính dưới 5cm	XXVIII-403
274	Cắt khối u da lành tính trên 5cm	XXVIII-404
275	Cắt khối u da lành tính khổng lồ	XXVIII-405
276	Phẫu thuật cắt ngón chân thừa	XXVIII-407